

Số: *2226* /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *30* tháng *10* năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao kế hoạch nạo vét Đông Xuân và Đắp đê Bắc Hưng Hải năm 2009-2010 của tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Kế hoạch phòng chống lụt bão, úng năm 2009 và phương hướng năm 2010;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 114/TTr-NN ngày 15 / 10 /2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch nạo vét đông xuân và đắp đê Bắc Hưng Hải năm 2009- 2010 của tỉnh Hưng Yên, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Khối lượng nạo vét đông xuân và đắp đê Bắc Hưng Hải:

- Tổng khối lượng : 1.280.000 m³.
- Tổng ngày công : 1.595.466 công.

(Như phụ lục chi tiết kèm theo)

Trong đó:

1.1. Khối lượng nạo vét thủy lợi nội đồng do các xã, thị trấn quản lý:

- + Khối lượng : 740.850 m³.
- + Ngày công : 869.143 công.

Nguồn kinh phí: Kinh phí từ nguồn thủy lợi phí của các HTX và huy động đóng góp của nhân dân

1.2. Khối lượng nạo vét đông xuân tại các kênh mương liên xã, thị trấn và đắp đê Bắc Hưng Hải:

- + Khối lượng : 539.151m³.
- + Ngày công : 726.323 công.

Nguồn kinh phí: Kinh phí từ ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương hỗ trợ: 10.000 đồng/ ngày công.

2. Chủ đầu tư:

2.1. UBND các xã, thị trấn làm chủ đầu tư các hạng mục công trình do các xã, thị trấn quản lý.

2.2. UBND các huyện làm chủ đầu tư các hạng mục công trình liên xã có hỗ trợ kinh phí của tỉnh và công trình đắp đê Bắc Hưng Hải.

2.3. Công ty Khai thác công trình thủy lợi tỉnh làm chủ đầu tư các hạng mục công trình do công ty quản lý.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Căn cứ vào kế hoạch được duyệt tổ chức khảo sát, lập hồ sơ thiết kế, dự toán. Thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán theo quy định.

- Tổ chức thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán đảm bảo quy định của Nhà nước, kịp thời phục vụ công tác chống hạn vụ đông xuân 2009-2010, cụ thể như sau: Đối với các hạng mục công trình có khối lượng từ 1.000 m³ trở lên chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm thi công theo hình thức chỉ định thầu theo quy định hiện hành. Đối với các hạng mục công trình có khối lượng dưới 1.000 m³ chủ đầu tư tự tổ chức thi công.

2. UBND các huyện và Công ty khai thác công trình thủy lợi tỉnh tổng hợp tiến độ thực hiện và những vấn đề phát sinh báo cáo UBND tỉnh bằng văn bản (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào ngày 15 và 30 hàng tháng trong quá trình thi công).

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

- Kiểm tra, đôn đốc và theo dõi tiến độ thực hiện đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh về bố trí cấp kinh phí trực tiếp cho chủ đầu tư; hướng dẫn, kiểm tra các chủ đầu tư về thanh quyết toán và quản lý việc sử dụng ngân sách theo quy định.

5. Thời gian thực hiện:

- Nạo vét đông xuân: từ ngày 10/11/2009 đến 05/01/2010.

- Đắp đê Bắc Hưng Hải từ ngày 10/11/2009 đến 05/02/2010.

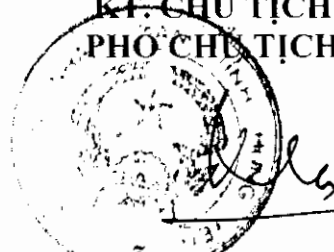
Điều 3. Ông Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện; Giám đốc Công ty Khai thác công trình thủy lợi tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo văn phòng;
- Chi Cục QLN và CTTL;
- CV; TNMT, KTTH^T;
- Lưu: Văn thư, GTTL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Quán

TÔNG HỢP KẾ HOẠCH NẠO VẾT ĐÔNG XUÂN, ĐẬP ĐÊ BẮC HƯNG HẢI NĂM 2009-2010
(Kèm theo Quyết định số: 2226 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2009 của UBND tỉnh)

Khối lượng nạo vét đông xuân và đập đê BHH

Phụ lục: 1

STT	HUYỆN, CÔNG TY	TÔNG KHỐI LƯỢNG	TÔNG CÔNG	NẠO VẾT ĐÔNG XUÂN NĂM 2009 - 2010 VÀ ĐẬP BỜ VÙNG								ĐẬP ĐÊ BẮC HƯNG HẢI	
				Khối lượng	Công	Trong đó							
						(m ³)	(công)	Kênh tiêu, dẫn	Kênh tưới	Cửa công, hồ hút	Đập bờ vùng	Tiêu thủy lợi	(m ³)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
Tổng toàn tỉnh		1.280.001	1.595.466	1.249.651	1.501.226	652.808	179.060	20.688	31.345	365.750	30.350	94.240	
1	Huyện Văn Lâm	170.911	205.093	170.911	205.093	68.615	77.303	3.073	2.000	21.920	3.000	6.000	
2	Huyện Mỹ Hào	89.450	100.440	86.450	94.440	32.450	3.600	400	2.000	48.000	3.000	6.000	
3	Huyện Văn Giang	58.140	61.494	58.140	61.494	13.000	3.140	1.000	2.400	42.000	6.000	12.000	
4	Huyện Khoái Châu	118.350	129.585	112.350	117.585	31.550	10.400	1.000	2.400	67.000	6.000	12.000	
5	Huyện Yên Mỹ	95.556	100.727	95.556	100.727	19.564	15.047	350	2.045	58.550	14.450	57.800	
6	Huyện Ân Thi	168.987	229.181	154.537	171.381	59.507	36.870	3.030	6.350	48.780	14.450	57.800	
7	Huyện Kim Động	212.300	333.346	208.000	319.586	119.150	23.100	1.150	15.800	48.800	4.300	13.760	
8	Huyện Phù Cừ	103.815	136.011	101.215	131.331	64.915	7.600	3.950	2.750	24.750	2.600	4.680	
9	Huyện Tiên Lữ	62.800	59.959	62.800	59.959	51.100	2.000	1.000	2.750	5.950			
10	Công ty KTCTTL tỉnh	199.692	239.630	199.692	239.630	192.957		6.735					

Ghi chú: - Khối lượng nạo vét đông xuân và đập đê Bắc Hưng Hải: 1.280.001 m³.

Trong đó: - Khối lượng nạo vét đông xuân và đập đê Bắc Hưng Hải hỗ trợ ngân sách tỉnh là: 539.151 m³.

- Khối lượng nạo vét thủy lợi nội đồng từ nguồn TLP và địa phương tự thi công là: 740.850 m³.

TỜNG HỢP KẾ HOẠCH NẠO VẾT ĐÔNG XUÂN, ĐẬP ĐÊ BẮC HƯNG HẢI NĂM 2009-2010

(Kèm theo Quyết định số: 2226 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2009 của UBND tỉnh)

Khối lượng nạo vét thủy lợi nội đồng đầu tư từ nguồn thủy lợi phí và địa phương tự thi công

Phụ lục: 2

STT	HUYỆN, CÔNG TY	NẠO VẾT ĐÔNG XUÂN NĂM 2009 - 2010 VÀ ĐẬP BỜ VÙNG									
		Tổng khối lượng	Tổng công	Trong đó				Tiêu thủy lợi			
				Kênh tiêu, dẫn	Kênh tưới	Cửa công, hó hút	Đập bờ vùng				
(1)	(2)	(3) (m ³)	(4) (công)	(5) (m ³)	(6) (m ³)	(7) (m ³)	(8) (m ³)	(9) (m ³)	(10) (m ³)	(11) (m ³)	(12) (m ³)
Tổng toàn tỉnh		740.850	869.143	245.491	87.611	15.098	26.900	365.750			
1	Huyện Văn Lâm	80.151	96.181	17.700	38.573	1.958	0	21.920			
2	Huyện Mỹ Hào	65.050	68.760	11.050	3.600	400	2.000	48.000			
3	Huyện Văn Giang	42.000	42.000	0	0	0	0	42.000			
4	Huyện Khoái Châu	67.000	67.000	0	0	0	0	67.000			
5	Huyện Yên Mỹ	63.872	64.009	684	4.638	0	0	58.550			
6	Huyện Ân Thi	70.685	74.407	1.000	12.500	2.055	6.350	48.780			
7	Huyện Kim Động	83.300	141.685	0	18.700	0	15.800	48.800			
8	Huyện Phù Cừ	48.400	55.790	12.100	7.600	3.950	0	24.750			
9	Huyện Tiên Lữ	20.700	19.681	10.000	2.000	0	2.750	5.950			
10	Công Ty KTCTTL tỉnh	199.692	239.630	192.957		6.735					

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NẠO VẾT ĐỒNG XUÂN, ĐẬP ĐÊ BẮC HƯNG HẢI NĂM 2009-2010

(Kèm theo Quyết định số: 2226 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2009 của UBND tỉnh)

Khối lượng nạo vét đồng xuân và đập đê BHH (ngân sách tỉnh và ngân sách trung ương hỗ trợ: 10.000đ/công, phần

kinh phí còn lại do địa phương đầu tư).

Phụ lục: 3

STT	HUYỆN, CÔNG TY	TỔNG KHỐI LƯỢNG	TỔNG CÔNG	NẠO VẾT ĐỒNG XUÂN NĂM 2009 - 2010 VÀ ĐẬP BỜ VÙNG							ĐẬP ĐÊ BẮC HƯNG HẢI	
				Khối lượng	Công	Trong đó			Khối lượng	Công		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	(11)	(13)	(14)	
	<i>Tổng toàn tỉnh</i>	539.151	726.323	508.801	632.083	407.317	91.449	5.590	4.445	30.350	94.240	
1	Huyện Văn Lâm	90.760	108.912	90.760	108.912	50.915	38.730	1.115	0	0	0	
2	Huyện Mỹ Hào	24.400	31.680	21.400	25.680	21.400	0	0	0	3.000	6.000	
3	Huyện Văn Giang	16.140	19.494	16.140	19.494	13.000	3.140	0	0	0	0	
4	Huyện Khoái Châu	51.350	62.585	45.350	50.585	31.550	10.400	1.000	2.400	6.000	12.000	
5	Huyện Yên Mỹ	31.684	36.718	31.684	36.718	18.880	10.409	350	2.045	0	0	
6	Huyện Ân Thi	98.302	154.774	83.852	96.974	58.507	24.370	975	0	14.450	57.800	
7	Huyện Kim Động	129.000	191.661	124.700	177.901	119.150	4.400	1.150	0	4.300	13.760	
8	Huyện Phù Cù	55.415	80.221	52.815	75.541	52.815	0	0	0	2.600	4.680	
9	Huyện Tiên Lữ	42.100	40.278	42.100	40.278	41.100	0	1.000	0	0	0	

Ghi chú: - Khối lượng hỗ trợ ngân sách tỉnh: 539.151m³.

Trong đó: - Khối lượng nạo vét đồng xuân:

508.801m³.

- Khối lượng đắp đê Bắc Hưng Hải:

30.350m³.